

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-03-2023

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Xuân Ty

2. Bà Phạm Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Duy Toàn- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 382/2022/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-DS ngày 28/02/2023;

+ *Nguyên đơn:* Chị **Mai Thị D**, sinh năm 2002; HKTT: Thôn N, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Số nhà 146/7A, đường A, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

+ *Bị đơn:* Anh **Phạm Quang T**, sinh năm 1998; Địa chỉ: Số nhà 290, đường L, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28/7/2022 và những lời trình bày của nguyên đơn chị Mai Thị D thể hiện như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Phạm Quang T có thời gian tìm hiểu và quen biết nhau khoảng 01 năm thì tổ chức lễ cưới vào năm 2021. Việc chung sống là tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc N, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 12/4/2021.

Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ có thời gian sống chung với nhau được khoảng 01 năm, quá trình chung sống chỉ được 01 tháng thì vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường cãi nhau về việc anh T hay đi chơi, qua đêm không về nhà, mặc dù Chị

D đã nhiều lần nói chuyện với anh T nhưng anh ấy không nghe mà lúc nóng giận còn đánh đập chị. Ngoài ra anh T còn vay tiền nhiều người để chơi game nên khi anh T đi làm thì chỉ lấy tiền để trả nợ cho người ta chứ không đưa tiền để lo cuộc sống của vợ chồng và chuẩn bị cho việc chị sinh con. Sau nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi, mặt khác chị cũng được gia đình anh T thừa nhận do anh T đang nghiện ma túy đá nên nhiều lúc không làm chủ được hành vi của mình. Do mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng và từ sau khi chị sinh con anh T cũng không quan tâm gì đến mẹ con chị, vợ chồng ngày càng nhiều mâu thuẫn nên gia đình chồng nói chị bế con về ngoại một thời gian khi nào anh T thay đổi thì về. Sau khi về ngoại ở thì khoảng 01 tháng sau anh T có xuống nhà bố mẹ chị để thuyết phục chị đưa con về nhưng chị không đồng ý vì vậy mấy bữa sau anh T mang dao xuống nhà chị nên chị không cho vào, sau đó anh T đứng ngoài cổng la hét rồi bỏ về, từ đó chị cũng liên lạc với anh T bằng điện thoại nhưng không gọi được, hỏi gia đình xem anh T ở đâu nhưng họ không cho biết.

Từ cuối tháng 04/2022 đến nay thì chị và anh T sống ly thân, anh T ở nhà cùng bố mẹ anh ấy ở 290 L, L, còn chị bế con về nhà ngoại sống từ đó cho đến nay. Chị và anh T cũng không có liên lạc gì. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Mai Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Quang T.

- Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung là Phạm Đăng K, sinh ngày 08/02/2022. Từ khi chị và anh T sống ly thân cho đến nay con chung do Chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh T không hỗ trợ tài chính cho chị nuôi con và cũng ít thăm nom con, nay Chị D có tiệm làm tóc riêng, bình quân thu nhập từ 06 – 07 triệu/ tháng nên đủ điều kiện nuôi con vì vậy Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị D cam kết vợ chồng không vay nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai bị đơn anh Phạm Quang T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh T thừa nhận anh và Chị D có thời gian quen biết và tìm hiểu khoảng 01 năm, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc N, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 12/4/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được 01 năm còn sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách làm ăn kinh tế và không có sự tôn trọng nhau trong cuộc sống, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 05/2022 cho đến nay. Do anh không còn tình cảm với Chị D, hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và Chị D được ly hôn.

-Về con chung: Anh T trình bày anh và Chị D có 01 con chung như Chị D trình bày trên là đúng. Nay Chị D có nguyện vọng nhận nuôi con chung nên anh đồng ý giao con chung cho Chị D nuôi dưỡng, do Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nên anh không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T không trình bày.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vào ngày 04/04/2023 nhưng không thành, sau đó Chị D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn Chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Quang T, yêu cầu được nuôi con chung là Phạm Đăng K, sinh ngày 08/02/2022, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Bị đơn anh Phạm Quang T được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành xác minh quá trình đăng ký kết hôn và chung sống giữa Chị D và anh T cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản không có vi phạm gì.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Chị D về việc ly hôn với anh Phạm Quang T, giao con chung là cháu Hồ Phạm Đăng K cho Chị D tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng Chị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết, về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết;

Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an xã Lộc Thanh, thành phố B thì địa chỉ nơi cư trú của bị đơn tại số 290, đường L, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Quang T vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị D và anh Phạm Quang T chung sống với nhau từ năm 2021, việc chung sống là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn lại tại UBND xã Lộc N, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng ngày 12/4/2021. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Chị D trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng nhiều lần hòa giải với nhau nhưng không tìm được tiếng nói chung nên hai người đã ly thân từ tháng 04/2022 đến nay nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T trình bày anh cũng thống nhất về quá trình vợ chồng chung sống, nguyên

nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân từ tháng 05/2022 đến nay, anh cũng đồng ý ly hôn với Chị D. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống giữa Chị D với anh T cuộc sống hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn và vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đã sống ly thân từ tháng 04/2022 cho đến nay, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị D là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Qua lời thừa nhận của Chị D và anh T và chứng cứ do các bên xuất trình xác định Chị D và anh T đã có với nhau 01 con chung tên là Phạm Đăng K, sinh ngày 08/02/2022.

Nay Chị D có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi Chị D và anh T sống ly thân cho đến nay con chung do Chị D trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc con, Chị D luôn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, mặt khác hiện nay cháu Khôi đang dưới 36 tháng tuổi, anh T cũng đồng ý giao con chung cho Chị D nuôi dưỡng vì vậy, để đảm bảo sự ổn định và phát triển bình thường của con chung cần áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xử giao con chung cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi là cần thiết và đúng pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung, Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị D đối với anh Phạm Quang T.

Xử cho chị Mai Thị D và anh Phạm Quang T được ly hôn.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Xử giao con chung là Phạm Đăng K, sinh ngày 08/02/2022 cho chị Mai Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

“Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình”.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập đến.

4. Về án phí: Buộc Chị Mai Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng Chị D đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0005279 ngày 03/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/03/2023). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND xã Lộc N, thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Hòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Nhàn

Hoàng Xuân Ty

Lê Thị Hòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

